

Số: 74 /KH-UBND

An Phú, ngày 02 tháng 4 năm 2024

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số trên địa bàn huyện An Phú năm 2024

Căn cứ Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về Chuyển đổi số tỉnh An Giang giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 1254/KH-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh An Giang về việc chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024;

Căn cứ Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2022 của UBND huyện An Phú về thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong giai đoạn 2022-2025, định hướng 2030 trên địa bàn huyện;

Căn cứ Công văn số 292/STTTT-CNTT-BCVT ngày 04/3/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số của cơ quan, địa phương năm 2024;

Ủy ban nhân dân huyện (UBND) An Phú xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn huyện cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Triển khai có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ theo Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về Chuyển đổi số tỉnh An Giang giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030 và Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 22/08/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Trong đó, nhiệm vụ trọng tâm là phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; gắn quá trình chuyển đổi số với cải cách hành chính nhằm nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước và cung cấp dịch vụ công của chính quyền các cấp, nhằm nâng cao chỉ số cải cách hành chính, năng lực cạnh tranh của huyện An Phú để phục vụ tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp.

- Từng bước đổi mới căn bản, toàn diện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành, phục vụ của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn huyện dựa trên công nghệ số; phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng ứng dụng công nghệ số. Sử dụng công nghệ số để nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Phát triển chính quyền số

- 100% dịch vụ công (đủ điều kiện) cung cấp trực tuyến toàn trình.
- 50% thông tin người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến.
- 40% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.
- 70% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (LRIS); đồng thời được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.
- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước cấp huyện, cấp xã (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử (ký số thay văn bản giấy).
- 90% lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng tập huấn kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu để ra quyết định và hoạch định chính sách; kiến thức cơ bản về chuyên đổi số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin.
- 90% cơ quan nhà nước tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.
- 70% người dân, doanh nghiệp hài lòng với các dịch vụ số của Chính quyền số tỉnh, huyện cung cấp; Nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp góp phần tạo sự đồng thuận cao nhất trong Nhân dân.
- 30% người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính phủ điện tử được xác thực danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.
- 50% tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của địa phương.
- 80% dịch vụ công trực tuyến (toàn trình, một phần) phát sinh hồ sơ trực tuyến.
- 50% dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp.
- 80% hồ sơ công việc tại cơ quan nhà nước cấp huyện, 65% cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).
- 90% cơ quan nhà nước các cấp hoàn thiện chính quyền điện tử.
- Tối thiểu 80% trở lên Hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử
- 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính (trước đó), mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền

giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

- 100% hồ sơ được số hóa, ký số và lưu trữ điện tử đối với hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được giải quyết thành công.

- Mỗi cơ quan, địa phương có ít nhất 01 sáng kiến, mô hình hay về chuyển đổi số.

b) Phát triển kinh tế số

- 100% sản phẩm thuộc chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) có mặt sàn thương mại điện tử (<https://postmart.com.vn>; <https://vosovn.vn>; ...).

- 50% dân số tham gia mua sắm trực tuyến.

- Trên 50% người dân biết sử dụng điện thoại thông minh vào khai thác các ứng dụng nền tảng phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- 100% doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử; 40% doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số; 70% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.

c) Phát triển xã hội số

- 100% hộ gia đình có địa chỉ số.

- 80% người dân, doanh nghiệp được trang bị kỹ năng số và các quy tắc ứng xử trên môi trường số; có thể tham gia hoạt động học tập, lao động, sản xuất, đời sống và sinh hoạt trên môi trường số.

- Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt 70%.

- Tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh đạt 90%

- Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt 80%.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhận thức số

a) Triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024 trên địa bàn huyện; Tổ chức chuỗi sự kiện Chuyển đổi số huyện năm 2024, trên cơ sở hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông và điều kiện thực tế của tỉnh, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với mục đích, ý nghĩa, chủ đề của Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024.

b) Tìm kiếm những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân trên địa bàn để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng.

c) Tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác.

d) Phát động phong trào thi đua Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước cấp huyện, UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện nhằm đẩy mạnh thực hiện chuyển

đổi số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

đ) Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp.

2. Thể chế số

a) Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các cơ chế chính sách để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong quá trình chuyển đổi số:

(1) Chính sách cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

(2) Chính sách tỷ lệ chi tối thiểu và hướng dẫn định mức chi cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

(3) Chính sách chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa.

b) Định kỳ sơ kết tình hình thực hiện nghị quyết chuyên đề của cấp uỷ, kế hoạch hành động của cấp chính quyền về chuyển đổi số.

3. Hạ tầng số

a) Rà soát, xóa các vùng lõm sóng trên địa bàn, bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động.

b) Mỗi người dân trưởng thành có một điện thoại thông minh.

c) Mỗi hộ gia đình có khả năng tiếp cận một đường Internet cáp quang băng rộng.

d) Thiết lập, khai thác hiệu quả trung tâm dữ liệu.

đ) Chuyển đổi toàn bộ hệ thống thông tin, ứng dụng của huyện sang sử dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPV6).

4. Dữ liệu số

a) Phát triển cơ sở dữ liệu: Triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, tránh trùng lặp.

b) Cung cấp dữ liệu mở phục vụ cho người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu.

c) Thiết lập Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức là một thành phần của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện để lưu trữ dữ liệu giải quyết thủ tục hành chính.

5. Nền tảng số

a) Triển khai ứng dụng các nền tảng số cơ bản: Nền tảng Trợ lý ảo; Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp huyện.

b) Khai thác, sử dụng hiệu quả nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu huyện (LGSP) phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong nội bộ tỉnh; kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) để liên thông dữ liệu với các hệ thống Hệ thống thông tin do bộ, ngành Trung ương triển khai; khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia.

6. Nhân lực số

- a) Triển khai đào tạo nhân lực số.
- b) Triển khai bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho công chức, viên chức.
- c) Triển khai tập huấn kỹ năng số cho người dân.
- d) Các cơ quan, ban, ngành huyện, UBND các xã, thị trấn bố trí bộ phận hoặc đầu mối thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ quan, địa phương.
- đ) Kiện toàn tổ chức bộ máy của đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin để tăng cường thực hiện nhiệm vụ, giải pháp mới về chuyển đổi số (theo Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”).

7. An toàn thông tin mạng

Triển khai nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ cho các hệ thống thông tin. Các nhóm việc cần triển khai bao gồm: Xây dựng và phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ; Triển khai phương án bảo vệ theo hồ sơ đã được phê duyệt; Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ.

8. Doanh nghiệp công nghệ số

Phối hợp tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao trong Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam.

9. Chính phủ số

- a) Triển khai quyết liệt các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến.
- b) Giám sát, thống kê, báo cáo, kiểm tra trực tuyến, kết nối hệ thống thông tin của cơ quan quản lý với hệ thống thông tin của đối tượng quản lý để thu thập tự động dữ liệu theo quy định của pháp luật, nhằm phục vụ cho công tác quản lý nhà nước.
- c) Phát triển Kênh giao tiếp số hợp nhất giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp.

10. Kinh tế số

- a) Phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển và điều kiện của huyện, giải quyết vấn đề của địa phương. Ưu tiên thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn huyện về nông nghiệp, giáo dục, y tế, du lịch.
- b) Chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa.

11. Xã hội số

- a) Mỗi người dân có một danh tính số: triển khai phổ cập cho người dân sử dụng ứng dụng VNeID, là danh tính số, có giá trị tương đương thẻ Căn cước công dân.

b) Mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản thanh toán số: phổ cập cho người dân sử dụng ứng dụng thanh toán số.

c) Mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản dịch vụ công trực tuyến: phổ cập cho người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, sử dụng tài khoản VNeID để truy cập các Công dịch vụ công.

d) Mỗi người dân trưởng thành có một chữ ký số cá nhân: phổ cập cho người dân trưởng thành sử dụng chữ ký số cá nhân. Chữ ký số là phương tiện thay thế chữ ký cá nhân trên môi trường số, có giá trị pháp lý tương đương chữ ký của cá nhân đó trong văn bản giấy.

đ) Mỗi người dân được đảm bảo an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản: phổ cập cho người dân được bảo đảm an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản. Việc bảo vệ này cơ bản không làm lộ lọt dữ liệu cá nhân; ngăn chặn được các website, thông tin mà người dân không mong muốn; bảo đảm người dân an toàn khi tham gia các hoạt động thanh toán trên môi trường số.

e) Phát triển trường học số: thực hiện chuyển đổi số trong trường học các cấp thuộc phạm vi quản lý.

g) Phát triển bệnh viện số: thực hiện chuyển đổi số toàn diện trong các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc phạm vi quản lý.

h) Phát triển làng số Làng số là một cộng đồng dân cư xây dựng trên nền tảng ngôi làng truyền thống, mà ở đó người dân sử dụng hạ tầng số, nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ, kỹ thuật số để phục vụ đời sống hàng ngày và thay đổi phương thức, hoạt động sản xuất, kinh doanh vượt khỏi phạm vi không gian làng, xã. Làng số đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân địa phương thông qua việc cung cấp đầy đủ các dịch vụ, tiện ích đáp ứng nhu cầu trong cuộc sống thường ngày của người dân, đặc biệt là giáo dục, y tế, phúc lợi xã hội, giải quyết vấn đề việc làm, giải quyết vấn đề sản xuất và tiêu thụ nông sản địa phương.

(Chi tiết Phụ lục đính kèm)

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp và phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị và địa phương chủ động cân đối, lồng ghép trong kinh phí chi thường xuyên, các Chương trình, Dự án và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện. Các nhiệm vụ, dự án đề ra phải đảm bảo không trùng lặp với các chương trình, kế hoạch, dự án đã được phê duyệt; đồng thời, chịu trách nhiệm thanh quyết toán kinh phí đảm bảo theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Xác định trách nhiệm triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của các cơ quan, tổ chức.

1. Các cơ quan, ban, ngành huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

- Trên cơ sở Kế hoạch được UBND huyện phê duyệt, các đơn vị được giao chủ trì tiến hành xây dựng kế hoạch thực hiện tại cơ quan, địa phương. Trong đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương lồng ghép nội dung thực hiện Đề án An Giang điện tử, Chương trình chuyển đổi số huyện vào trong kế hoạch để thực hiện.

- Để đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện, sau khi Kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, hằng năm căn cứ vào điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, khả năng cân đối ngân sách, các cơ quan, đơn vị phối hợp Phòng Văn hóa và Thông tin, các cơ quan có liên quan lập dự toán kinh phí theo chế độ quy định hiện hành (đối với nguồn vốn sự nghiệp), gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch tham mưu UBND huyện bố trí kinh phí thực hiện lồng ghép trong kinh phí hoạt động thường xuyên của các cơ quan, ban ngành và địa phương được giao nhiệm vụ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Các cơ quan, ban, ngành và địa phương chủ trì phối hợp Phòng Văn hóa và Thông tin triển khai thực hiện các dự án ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số theo Kế hoạch đã được phê duyệt.

- Các cơ quan, ban, ngành và địa phương cung cấp dịch vụ công trực tuyến có biện pháp tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn về các tiện ích khi sử dụng; tham gia tích cực triển khai Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai các giải pháp nhằm duy trì và tiếp tục phát triển các ứng dụng CNTT, chuyển đổi số tại cơ quan, thực hiện ngày càng hiệu quả, thiết thực hơn.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng của xã, thị trấn và các nhóm, ấp. Phấn đấu mỗi địa phương xây dựng ít nhất một mô hình Làng số trong cộng đồng dân cư.

- Tích cực đăng ký tham gia thi đua Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước cấp huyện, UBND xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

2. Phòng Văn hóa và Thông tin

- Chủ trì, phối hợp cùng các cơ quan, ban, ngành; UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện hiệu quả Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị triển khai và thực hiện đúng theo lộ trình kế hoạch đề ra, đảm bảo các nhiệm vụ, dự án không chồng chéo, trùng lặp khi triển khai thực hiện.

- Định kỳ, đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, Sở Thông tin và Truyền thông về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính quyền điện tử, chuyển đổi số trên địa bàn huyện.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Nội vụ tham mưu UBND huyện kế hoạch phát động thi đua trong các hoạt động chính quyền điện tử, chuyển đổi số trên địa bàn huyện năm 2024.

3. Phòng Kinh tế - Hạ tầng

- Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, các doanh nghiệp viễn thông, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Văn hoá và Thông tin tham mưu UBND huyện chương trình hỗ trợ đưa sản phẩm nông nghiệp của hợp tác xã trên địa bàn lên sàn thương mại điện tử như Voso.vn, Postmart.vn.

- Tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân và các hợp tác xã tiếp cận các ứng dụng số, sàn thương mại điện tử nhằm giúp chủ động về đầu ra cho nông sản, đặc sản của địa phương, góp phần tạo nền kinh tế nông nghiệp bền vững.

4. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân và các hợp tác xã tiếp cận các ứng dụng số, sàn thương mại điện tử nhằm giúp chủ động về đầu ra cho nông sản, đặc sản của địa phương, góp phần tạo nền kinh tế nông nghiệp bền vững.

5. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Theo khả năng cân đối ngân sách, phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin, các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan xem xét, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện về nguồn kinh phí thực hiện trên cơ sở lồng ghép với kinh phí chi thường xuyên được giao hàng năm, các chương trình, dự án và các nguồn hợp pháp khác theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

6. Phòng Nội vụ

- Phối hợp Phòng Văn hóa và Thông tin theo dõi, đôn đốc các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực hiện cải cách hành chính, kết hợp ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trên địa bàn huyện.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin (cơ quan chủ trì) tham mưu Ủy ban nhân dân huyện có chính sách thu hút, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ quản lý phát triển ứng dụng CNTT, Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn huyện theo vị trí việc làm và quy định của pháp luật có liên quan.

- Phối hợp Phòng Văn hóa và Thông tin bố trí nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức về Chuyển đổi số, đảm bảo an toàn an ninh thông tin.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin tham mưu UBND huyện kế hoạch phát động thi đua, trình khen thưởng trong các hoạt động chính quyền điện tử, chuyển đổi số trên địa bàn huyện năm 2024.

7. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, thu hút nguồn nhân lực CNTT, chuyển đổi số trong hệ thống ngành giáo dục trên địa bàn huyện, nhằm đáp ứng quá trình ứng

dụng CNTT, chuyển đổi số và phổ cập kiến thức CNTT, kỹ năng số, dịch vụ công trực tuyến trong các trường trực thuộc.

- Xây dựng và triển khai chương trình ứng dụng CNTT, chuyển đổi số vào công tác quản lý nhà nước, quản lý ngành và việc dạy, học trong các đơn vị giáo dục trực thuộc .

- Đẩy mạnh thực hiện việc dạy học trực tuyến kết hợp với dạy học trực tiếp một cách phù hợp, hiệu quả.

8. Trung tâm Y tế

- Xây dựng kế hoạch thu hút, đào tạo nguồn nhân lực CNTT, chuyển đổi số trong hệ thống ngành y tế trên địa bàn huyện.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng đề án, dự án triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong ngành y tế.

9. Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh huyện

- Tham mưu kế hoạch nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất hệ thống phát thanh của huyện theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin.

- Hướng dẫn, hỗ trợ nghiệp vụ cho các đài truyền thanh các xã, thị trấn trong việc đầu tư mới hệ thống đài truyền thanh theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông.

- Xây dựng chuyên mục “Chuyển đổi số huyện An Phú” để thực hiện tuyên truyền trên hệ thống phát thanh huyện; tăng cường tuyên truyền trực quan, viết tin, bài, phóng sự, phổ biến về các chủ trương, chính sách, pháp luật, chiến lược liên quan đến chương trình chuyển đổi số, phát triển chính quyền số trên Cổng thông tin điện tử và các trang mạng xã hội.

10. Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên

Xây dựng và triển khai chương trình ứng dụng CNTT, chuyển đổi số vào công tác quản lý, đào tạo, điều hành và thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong đơn vị.

11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt nam huyện và các hội, đoàn thể

Tăng cường tuyên truyền phát huy vai trò chủ thể của người dân trong chuyển đổi số, nâng cao văn hóa khai thác và ý thức sử dụng công nghệ thông tin từ gia đình đến nhà trường, xã hội nhằm hướng tới các ứng dụng lành mạnh, thiết thực, hiệu quả, gắn kết đảm bảo an toàn thông tin cho người sử dụng.

12. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông trên địa bàn huyện

- Trên cơ sở những nội dung định hướng của huyện tại Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả phục vụ chương trình chuyển đổi số của huyện.

- Tuân thủ các hướng dẫn, yêu cầu của địa phương trong hoạt động phát triển hạ tầng số. Triển khai đầu tư, phát triển công nghệ số, mạng lưới hạ tầng số theo

đúng quy định pháp luật, phù hợp quy hoạch, lộ trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Định kỳ hàng quý hoặc đột xuất báo cáo UBND huyện (qua Phòng Văn hoá và Thông tin) về tình hình, kết quả triển khai các nhiệm vụ.

13. Bưu điện huyện

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND huyện duy trì hoạt động Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện tại Bưu điện có hiệu quả cho đến khi có chủ trương mới. Phối hợp với các cơ quan, địa phương triển khai dịch vụ bưu chính công ích trong quá trình tiếp nhận, trả kết quả thủ tục hành chính khi người dân có nhu cầu.

- Phối hợp Phòng Văn hoá và Thông tin hỗ trợ các địa các địa phương (xã nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao) tập huấn, hướng dẫn hộ kinh doanh đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử <https://postmart.com.vn>

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn huyện An Phú. Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, ban ngành huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang;
- Thường trực Huyện ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Bưu điện huyện An Phú;
- Doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thanh Phương